

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và quản lý hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng tại Việt Nam.

2. Các quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển quy định tại Nghị định này cũng áp dụng đối với việc nhập khẩu, phá dỡ kho chứa nổi, giàn di động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phá dỡ tàu biển là hoạt động tháo dỡ toàn bộ cấu trúc tàu biển tại cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Cơ sở phá dỡ tàu biển là khu vực chuyên dụng để phá dỡ tàu biển.

3. Phương án phá dỡ tàu biển là kế hoạch do chủ cơ sở phá dỡ tàu biển lập để thực hiện việc phá dỡ đối với từng tàu biển.

Điều 4. Nguyên tắc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

1. Việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, an toàn phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

2. Việc phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở phá dỡ tàu biển đã được đưa vào hoạt động theo quy định.

3. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải được đưa vào cơ sở phá dỡ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam; thời gian phá dỡ tàu biển không được kéo dài quá 180 ngày kể từ ngày bắt đầu phá dỡ.

4. Doanh nghiệp nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định.

Điều 5. Các loại tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ

Tàu biển đã qua sử dụng có thân tàu không bằng vật liệu phi kim loại được phép nhập khẩu để phá dỡ, gồm:

1. Tàu chở hàng khô, gồm: Hàng tổng hợp, hàng rời, hàng thiết bị, gỗ dăm, gỗ cây, ngũ cốc, hàng đóng bao, hàng sắt thép.

2. Tàu container.

3. Tàu chở quặng.

4. Tàu chở hàng lỏng, gồm: Dầu thô, dầu sản phẩm, dầu thực vật.

5. Tàu chở gas, khí hóa lỏng.

6. Tàu Ro-Ro, tàu khách, sà lan biển, phá biển.

Điều 6. Quy định phá dỡ tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam

1. Việc phá dỡ tàu biển Việt Nam và tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam, phá dỡ tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Điều 7. Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

Cơ sở phá dỡ tàu biển phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có cầu cảng, luồng hàng hải đã được công bố theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

2. Có đủ điều kiện về bảo vệ môi trường đối với cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có nhân lực, quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

4. Có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 9. Thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc công thông tin điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

2. Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Hồ sơ hoàn công của cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho bảo vệ môi trường (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

đ) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

e) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

3. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ:

a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định và báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản về kết quả thẩm định hồ sơ. Trong quá trình thẩm định, Cục Hàng hải Việt Nam được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển;

c) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 10. Thủ tục quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động khi thay đổi nội dung ghi trong Quyết định đã được cấp.

2. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp cho Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính) và văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

3. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định này.

Điều 11. Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển

1. Bộ Giao thông vận tải quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển.

3. Bộ Giao thông vận tải thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 12. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển

1. Bộ Giao thông vận tải quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 7 của Nghị định này;

b) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Bộ Giao thông vận tải thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 13. Phương án phá dỡ tàu biển

1. Trước khi tiến hành phá dỡ từng tàu biển, chủ cơ sở phá dỡ tàu biển phải lập, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phương án phá dỡ tàu biển gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin chung: Tên và địa chỉ của doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; tên và địa chỉ của cơ sở phá dỡ tàu biển; tàu biển phá dỡ (tên tàu, quốc tịch; đặc tính kỹ thuật của tàu);

b) Thông tin về phá dỡ: Quy trình công nghệ phá dỡ (thứ tự các hạng mục của tàu được thực hiện phá dỡ kèm theo bản vẽ bố trí chung của tàu biển phá dỡ, bản vẽ vị trí phá dỡ tàu biển nằm trong mặt bằng tổng thể cơ sở phá dỡ); trang thiết bị, nhân lực phục vụ phá dỡ; ngày bắt đầu và ngày hoàn thành việc phá dỡ;

c) Các biện pháp về: An toàn lao động, vệ sinh môi trường; phòng, chống cháy, nổ và phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Điều 14. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

1. Cảng vụ hàng hải nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển có thẩm quyền phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển trên cơ sở đề nghị của cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp cho Cảng vụ hàng hải khu vực 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ đối với từng tàu biển.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ đối với từng tàu biển, gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính);

b) Phương án phá dỡ tàu biển (01 bản chính).

3. Quy trình xử lý:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng hải khu vực có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về phương án phá dỡ tàu biển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cảng vụ hàng hải khu vực, các cơ quan có liên quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Cảng vụ hàng hải khu vực phải có quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không phê duyệt, Cảng vụ hàng hải khu vực phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 15. Thực hiện phương án phá dỡ tàu biển

1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển phải thực hiện phá dỡ tàu biển theo đúng phương án phá dỡ tàu biển đã được phê duyệt.

2. Cảng vụ hàng hải khu vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án phá dỡ đối với từng tàu biển theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ

Điều 16. Điều kiện để nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp Việt Nam do tổ chức, cá nhân Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Là người sở hữu hoặc người quản lý, khai thác cơ sở phá dỡ tàu biển đã được đưa vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Chủ tàu có văn bản xác nhận và chịu trách nhiệm về việc cam kết tàu biển không trong tình trạng thế chấp hoặc khiếu nại hàng hải;

c) Không được hoán cải, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển nhượng, mua, bán lại.

Điều 17. Trình tự thực hiện việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ bằng vốn nhà nước được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Lựa chọn tàu biển, dự kiến giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua tàu biển;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Dự án mua tàu biển gồm các nội dung về sự cần thiết của việc đầu tư, loại tàu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản của tàu, giá tàu dự kiến, nguồn vốn mua tàu, hình thức mua tàu, hiệu quả kinh tế và môi trường;

c) Quyết định mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

2. Việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ bằng vốn khác do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự quyết định.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Thẩm quyền quyết định đối với dự án mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 19. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Hồ sơ đề nghị, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính);

b) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

2. Quy trình xử lý:

a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định và báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Doanh nghiệp khi làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ phải nộp cho cơ quan hải quan khu vực 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

b) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hợp đồng mua bán tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Biên bản giao nhận tàu biển đã qua sử dụng được ký kết giữa người bán giao và người nhận bàn giao (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

2. Căn cứ hồ sơ nhập khẩu tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về hải quan và các quy định có liên quan khác của pháp luật, cơ quan hải quan có trách nhiệm làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường; rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển và các loại phương tiện thủy khác tại Việt Nam.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và thủ tục hải quan đối với tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ.

4. Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, tổ chức quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển.

5. Chủ các cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định tại Nghị định này; khi thực hiện phá dỡ các loại phương tiện thủy khác phải tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan của pháp luật đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thay thế Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

2. Bãi bỏ quy định tại Điều 4 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). *110*


CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**MAU CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHẬP KHẨU,
PHÁ DỠ TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

*(Kèm theo Nghị định số 84 /2019/NĐ-CP
ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động
Mẫu số 02	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ
Mẫu số 07	Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Mẫu số 01

**TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ
TÀU BIỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

- a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
- b) Địa chỉ:
- c) Số điện thoại liên hệ:
- d) Người đại diện theo pháp luật:
- đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

2. Thông tin năng lực phá dỡ tàu biển

- a) Loại tàu biển có khả năng phá dỡ:
- b) Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển vào cơ sở phá dỡ:

3. Hồ sơ về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

b) Hồ sơ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ hoàn công của cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho bảo vệ môi trường (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

d) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

đ) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGTVT

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

Căn cứ Công văn số ngày ... tháng ... năm của Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Loại tàu biển phá dỡ:
5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ:

Điều 2. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực cảng biển và được thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của cơ sở phá dỡ, giới hạn độ sâu vùng nước, luồng cảng biển và các quy định có liên quan của pháp luật để cho phép tàu biển có thông số kỹ thuật phù hợp vào phá dỡ bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Điều 4. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm và thay thế Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày ... tháng năm ... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (trong trường hợp cấp lại).

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải ..., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- UBND tỉnh, thành phố có liên quan (01 bản);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ
TÀU BIỂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

- a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
- b) Địa chỉ:
- c) Số điện thoại liên hệ:
- d) Người đại diện theo pháp luật:
- đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
- e) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

2. Lý do đề nghị quyết định lại

.....

.....

3. Văn bản kèm theo

- a) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
-
-

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ
TÀU BIỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

- a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
- b) Địa chỉ:
- c) Số điện thoại liên hệ:
- d) Người đại diện theo pháp luật:
- đ) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số
..... do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

2. Thông tin về tàu biển phá dỡ

- a) Tên tàu:
- b) Số IMO:
- c) Loại tàu:
- d) Trọng tải toàn phần (DWT):
- đ) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ số
..... do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

3. Văn bản kèm theo

- a) 01 bản chính phương án phá dỡ tàu biển;
-

Kính đề nghị Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt
phương án phá dỡ tàu biển./.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CVHH... .., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

Căn cứ

Xét nội dung phương án phá dỡ tàu biển gửi kèm văn bản đề nghị số ngày tháng năm 20..... của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);

Theo đề nghị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển của tàu biển có thông số chính như sau:

1. Tên tàu:

2. Số IMO:

3. Loại tàu:

4. Trọng tải toàn phần (DWT):

Điều 2. Tàu biển nêu trên được phép vào (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển) để thực hiện phá dỡ. Cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện phá dỡ theo đúng phương án phá dỡ tàu biển được phê duyệt.

2. Đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Pháp chế, Thanh tra, Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục HHVN;
- Các Sở:
- Cục Hải quan ...;
- ...;
- Lưu: VT, ... (...b).

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TÊN DOANH NGHIỆP NHẬP
KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA
SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Địa chỉ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ tên: Chức danh:

- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày, nơi cấp:

- Quốc tịch:

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

6. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển thuộc sở hữu hoặc quản lý, khai thác của doanh nghiệp vào hoạt động số ngày tháng năm

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ đối với:

a) Tên tàu:

b) Số IMO:

c) Loại tàu:

d) Trọng tải toàn phần (DWT):

d) Ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam:

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo đúng Giấy phép nhập khẩu và các quy định của pháp luật./.

Văn bản kèm theo:

.....

....., ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ
 Số: /năm.../GPNKTB

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

Căn cứ Công văn số ngày ... tháng ... năm của Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ của (Tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

- a) Tên doanh nghiệp:
- b) Địa chỉ trụ sở chính:
- c) Địa chỉ kinh doanh:
- d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
- d) Người đại diện theo pháp luật:

2. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

- a) Tên cơ sở phá dỡ:
- b) Địa chỉ cơ sở phá dỡ:

3. Thông tin về Giấy phép

a) Tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ:

Tên tàu: Số IMO:

Loại tàu: Trọng tải toàn phần (DWT):

b) Thời hạn hiệu lực: Từ ngày đến ngày

c) Nơi cấp: Ngày cấp: /

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- UBND tỉnh, thành phố có liên quan (01 bản);
- Cục Hàng hải Việt Nam (01 bản);
- Cảng vụ Hàng hải có liên quan (01 bản);
- Doanh nghiệp đề nghị (01 bản);
- ...
- Lưu: VT, ...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)